TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2020/DS-ST
Ngày 30-6-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Công Du.

2. Ông Lê Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2020 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 406/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 468/2020/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đống Đa, Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Công H - Trưởng phòng thu hồi nợ qua điện thoại, Trung tâm thu hồi nợ, khối tín dụng tiêu dùng (văn bản ủy quyền số 43/2019/UQ-CT ngày 10 tháng 9 năm 2019)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Ngô Văn P và bà Trần Thị Thùy L; cùng địa chỉ: Số 16A/119 T, phường Đ, quận Hải An, Hải Phòng (văn bản ủy quyền số 86/UQ-VH.19 ngày 31 tháng 12 năm 2019). Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T; địa chỉ: thôn C, xã Quang Hưng, huyện An Lão, Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 12 năm 2019, bản tự khai ngày 17 tháng 02 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 31 tháng 7 năm 2013 nguyên đơn và bị đơn đã ký Hợp đồng tín dụng số 20130730-133016-0003. Theo đó, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 77.700.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng; hình thức vay tín chấp; thời hạn vay: 36 tháng; lãi suất vay: 45%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn đầy đủ số tiền nêu trên.

Từ kỳ trả nợ đầu tiên ngày 31 tháng 8 năm 2013 đến ngày 09 tháng 02 năm 2015, bị đơn đã trả được cho nguyên đơn số tiền là 71.454.000 đồng, trong đó trả nợ gốc là 26.449.599 đồng, trả nợ lãi là 45.004.401 đồng. Từ kỳ trả nợ tiếp theo (tháng 3 năm 2015) cho đến nay, bị đơn không thực hiện trả nợ cho nguyên đơn theo thỏa thuận. Hiện khoản vay đã bị chuyển nợ quá hạn.

Nguyên đơn đã nhiều lần làm việc trực tiếp cũng như thường xuyên gửi thông báo đôn đốc nhắc nhở nhưng bị đơn không thu xếp tài chính để trả nợ vay ngân hàng. Nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải trả ngay tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 12 tháng 12 năm 2019 là 71.371.000 đồng, trong đó: Nợ gốc là 52.250.401 đồng; nợ lãi là 20.120.599 đồng. Từ ngày 13 tháng 12 năm 2019 cho đến trước ngày xét xử sơ thẩm, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi cho khoản nợ nêu trên.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn tiếp tục phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận ký kết trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm thanh toán, cho đến khi trả hết nợ gốc.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 3 năm 2020, bị đơn Nguyễn Đức Trường trình bày:

Ngày 31 tháng 7 năm 2013, bị đơn ký kết hợp đồng tín dụng số 20130730-133016-0003 với nguyên đơn đúng như nguyên đơn đã trình bày. Từ ngày được giải ngân đến ngày 09 tháng 02 năm 2015, bị đơn đã trả được cho nguyên đơn tổng số tiền là 71.454.000 đồng, trong đó trả nợ gốc là 26.449.599 đồng, trả nợ lãi là 45.004.401 đồng. Sau đó, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị đơn không tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn được nữa. Bị đơn xác nhận đến thời điểm hiện tại còn nợ nguyên đơn số tiền là 71.371.000 đồng, trong đó: Nợ gốc là 52.250.401 đồng; nợ lãi là 20.120.599 đồng. Bị đơn đề nghị nguyên đơn thu số tiền 71.454.000 đồng mà bị đơn đã trả vào khoản nợ gốc 77.700.000 đồng và yêu cầu được trả số tiền lãi tính từ ngày 31 tháng 7 năm 2013 đến ngày 09 tháng 02 năm 2015 theo mức lãi suất của AGRIBANK là 0,8%/tháng.

Bị đơn cũng không yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện để giải quyết vụ án.

- Tại phiên hòa giải ngày 24 tháng 4 năm 2020 và ngày 29 tháng 4 năm 2020, bị đơn vắng mặt nên hai bên không hòa giải được với nhau. Nguyên đơn không chấp nhận đề nghị của bị đơn, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, nguyên đơn là đúng với quy định của pháp luật, bị đơn không đến Tòa án làm việc đã không tuân thủ các quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 12 tháng 12 năm 2019 là 71.371.000 đồng, trong đó: Nợ gốc là 52.250.401 đồng; nợ lãi là 20.120.599 đồng.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1] Trong vụ án này, nguyên đơn là tổ chức tín dụng; nội dung hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn là vay tiền; mục đích vay của bị đơn để tiêu dùng cá nhân nên đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn là cá nhân hiện đang sinh sống tại địa chỉ thôn C, xã Quang Hưng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự:

[2] Quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án đã được tống đạt cho bị đơn đúng theo quy định nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu:

[3] Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn được ký kết năm 2013. Từ tháng 3 năm 2015 cho đến nay bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Như vậy, nguyên đơn có quyền khởi kiện trong thời hạn 03 năm kể từ tháng 3 năm 2015 đến tháng 3 năm 2018 (hồ sơ không có tài liệu nào thể hiện giữa hai bên đương sự có thỏa thuận khác về phương thức thanh toán). Đến tháng 02 năm 2020 nguyên đơn mới khởi kiện là thuộc trường hợp đã hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không yêu cầu áp dụng quy định của pháp

luật về thời hiệu khởi kiện để giải quyết nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung tranh chấp:

[4] Ngày 31 tháng 7 năm 2013 nguyên đơn và bị đơn đã ký Hợp đồng tín dụng số 20130730-133016-0003. Theo đó, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 77.700.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng; hình thức vay tín chấp; thời hạn vay: 36 tháng; lãi suất vay: 45%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn đầy đủ số tiền nêu trên. Hợp đồng tín dụng này nói chung và điều khoản về mức lãi suất 45%/năm nói riêng được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật Dân sự, Luật các Tổ chức Tín dụng, phù hợp với hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/HĐTPTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất cũng như tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về hình thức hợp đồng nên có giá trị pháp lý ràng buộc với các bên.

[5] Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ cam kết theo nghĩa vụ của hợp đồng, giải ngân đầy đủ số tiền vay là 77.700.000 đồng cho bị đơn. Bị đơn đã nhận đủ số tiền vay và sử dụng đúng mục đích. Thời gian đầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn đầy đủ nhưng đến tháng 3 năm 2015 bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Đến thời điểm hiện tại, bị đơn cũng chưa thực hiện bất kỳ nghĩa vụ trả nợ nào. Bản thân bị đơn cũng thừa nhận từ tháng 3 năm 2015 cho đến nay đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo cam kết mà không phải do sự kiện khách quan hay trường hợp bất khả kháng. Giữa nguyên đơn và bị đơn cũng không có bất kỳ sự thỏa thuận nào khác về nghĩa vụ thanh toán của bị đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở nhận định lỗi vi phạm hợp đồng hoàn toàn thuộc về bị đơn. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở được chấp nhận. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo cam kết trong hợp đồng tín dụng.

[6] Nguyên đơn cũng yêu cầu bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận, ký kết trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong. Xét yêu cầu này của nguyên đơn đối với bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng tín dụng nên được chấp nhận.

[7] Ngoài các yêu cầu nêu trên, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thanh toán bất kỳ một khoản tiền nào khác từ thời điểm ngày 13 tháng 12 năm 2019 cho đến trước ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn cũng không có ý kiến gì về vấn đề này. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

-Về án phí:

[8] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; diểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 184; điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 351; Điều 357; khoản 1, khoản 5, Điều 466 và khoản 1, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức Tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V, buộc anh Nguyễn Đức T phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến hết ngày 12/12/2019 là 71.371.000đ (Bảy mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn đồng), trong đó: Nợ gốc là 52.250.401đ (Năm mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn bốn trăm lẻ một đồng); nợ lãi là 20.120.599 (Hai mươi triệu một trăm hai mươi nghìn năm trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 30 tháng 6 năm 2020, anh Nguyễn Đức T còn tiếp tục phải thanh toán tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã ký kết trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm thanh toán, cho đến khi thanh toán xong.

2. Về án phí:

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 1.784.000 đồng (Một triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011265 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão ngày 04 tháng 02 năm 2020.

Anh Nguyễn Đức T phải nộp 3.568.550 đồng (Ba triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Ngân hàng TMCP V và anh Nguyễn Đức T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện An Lão;
- Chi cục THA DS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Định

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Định